

Mã đề: 906

A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)**I. Phần I, Lựa chọn đáp án A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu hỏi từ 01 đến 32 (3,0 điểm)****Câu 1:** Khối lượng riêng của nước là 1000 kg/m^3 có nghĩa là

- A. 1 lít nước nặng 1000 kg. B. 1 cm^3 nước có khối lượng 1 kg.
C. 1 m^3 nước có khối lượng 1000 kg. D. 1 lít nước có khối lượng 1000 g.

Câu 2: Đâu **không** phải đơn vị của khối lượng riêng?

- A. kg/dm^3 . B. N/m^3 . C. kg/m^3 . D. g/cm^3 .

Câu 3: Áp suất là

- A. lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép. B. độ lún của vật lên sàn.
C. độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép. D. đại lượng đặc trưng cho lực ép vật.

Câu 4: Móng nhà phải xây rộng hơn tường vì

- A. để giảm trọng lượng của tường xuống mặt đất. B. để tăng trọng lượng của tường xuống mặt đất.
C. để tăng áp suất lên của tường lên mặt đất. D. để giảm áp suất của tường tác dụng lên mặt đất.

Câu 5: Hiện tượng nào sau đây **không** liên quan đến áp suất chất lỏng?

- A. Khi lặn sâu xuống nước, ta cảm thấy tức ngực.
B. Ấn quả bóng nhựa rỗng xuống đáy xô nước rồi thả tay quả bóng lại nổi lên.
C. Khi nhấn pít-tông trong ống tiêm đẩy chất lỏng đi qua kim tiêm và vào cơ thể.
D. Khi đun sôi nước, bọt khí xuất hiện và bay lên.

Câu 6: Hiện tượng nào sau đây do áp suất khí quyển gây ra?

- A. Săm ruột xe đạp bơm căng để ngoài nắng có thể bị nổ.
B. Quả bóng bay bơm căng và buộc chặt để lâu ngày vẫn bị xẹp dần.
C. Quả bóng bàn bị bẹp thả vào nước nóng sẽ phồng lên như cũ.
D. Dùng một ống nhựa nhỏ có thể hút nước từ cốc nước vào miệng.

Câu 7: Khi đi máy bay di chuyển lên cao hoặc xuống thấp so với mặt đất, tai ta có thể cảm thấy ù hoặc đau. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là do

- A. nhiệt độ thay đổi nhanh chóng khi lên cao hoặc xuống thấp.
B. áp suất không khí thay đổi gây ra sự chênh lệch áp suất giữa bên trong và bên ngoài màng nhĩ.
C. sự thay đổi độ ẩm trong không khí làm thay đổi sự cân bằng trong tai.
D. tốc độ di chuyển của con người làm căng các cơ bên trong tai.

Câu 8: Khi cho đầy nước vào một chai nhựa, nước sẽ gây áp suất lên bề mặt nào của chai?

- A. Chỉ lên đáy chai. B. Chỉ lên thành chai.
C. Lên cả đáy và thành chai. D. Không gây áp suất.

Câu 9: Áp suất không khí giúp duy trì hình dạng của vật dụng nào trong khi sử dụng hàng ngày?

- A. Lốp xe đạp. B. Cốc nước.
C. Hệ thống đường ống nước trong gia đình. D. Lon nước ngọt.

Câu 10: Dụng cụ dưới đây có tên gọi là gì?

- A. Ống nghiệm.
B. Ống hút nhỏ giọt.
C. Lọ đựng hóa chất.
D. Ống đong.

**Câu 11:** Những việc nào sau đây không được làm khi sử dụng hóa chất?

- A. Sau khi lấy hóa chất xong cần phải đậy kín các lọ đựng hóa chất.
B. Cần thông báo ngay cho giáo viên nếu gặp sự cố cháy, nổ, đổ hóa chất, vỡ dụng cụ thí nghiệm...

C. Sử dụng tay tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.

D. Đọc kĩ nhãn mác, không sử dụng hóa chất nếu không có nhãn mác, hoặc nhãn mác bị mờ.

Câu 12: Khi đun nóng hoá chất trong ống nghiệm cần kẹp ống nghiệm bằng kẹp ở khoảng bao nhiêu so với ống nghiệm tính từ miệng ống?

A. 1/2.

B. 1/4.

C. 1/6.

D. 1/3.

Câu 13: Thiết bị trong hình dưới đây có tên là gì?

A. Máy đo PH.

B. Bút đo PH.

C. Ampe kế.

D. Huyết áp kế.



Câu 14: Quá trình nào sau đây xảy ra sự biến đổi hoá học?

A. Hoà tan muối ăn vào nước được dung dịch nước muối.

B. Nhỏ vài giọt mực vào cốc nước và khuấy đều thấy mực loang ra cả cốc nước.

C. Trứng gà để lâu ngày bị hỏng, có mùi khó chịu.

D. Dây tóc bóng trong bóng đèn điện nóng và sáng lên khi có dòng điện chạy qua.

Câu 15: Trong các quá trình sau, quá trình nào xảy ra biến đổi vật lí?

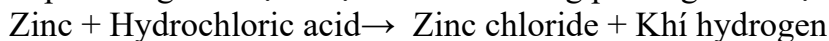
A. Nước hồ bị bốc hơi khi trời nắng.

B. Diêm bị cháy khi quẹt vào vỏ hộp diêm.

C. Thịt bị cháy khi nướng.

D. Thức ăn để lâu ngày bị ôi, thiu.

Câu 16: Cho phản ứng hoá học được biểu diễn bằng phương trình dạng chữ như sau:



Sản phẩm của phản ứng là

A. Zinc chloride và khí hydrogen.

B. Zinc và hydrochloric acid.

C. Hydrochloric acid và zinc chloride.

D. Zinc và khí hydrogen.

Câu 17: Trong quá trình phản ứng, lượng chất phản ứng ..., lượng sản phẩm ...

A. tăng dần, giảm dần.

B. giảm dần, tăng dần.

C. tăng dần, tăng dần.

D. giảm dần, giảm dần.

Câu 18: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **sai**?

A. Trong phản ứng hoá học, các nguyên tử được bảo toàn.

B. Trong phản ứng hoá học, các phân tử bị phân chia.

C. Trong phản ứng hoá học, các nguyên tử bị phân chia.

D. Trong phản ứng hoá học, các phân tử bị phá vỡ.

Câu 19: Các thí nghiệm về điện ở môn Khoa Học Tự Nhiên thường dùng nguồn điện. Vậy để có bộ nguồn 6V thì dùng pin nào?

A. Một pin 3V.

B. Hai pin 3V.

C. Ba pin 2V.

D. Bốn pin 1,5V.

Câu 20: Hệ cơ quan nào dưới đây có chức năng tiết ra các hormone để điều hòa các quá trình sinh lí của cơ thể?

A. Hệ bài tiết.

B. Hệ nội tiết.

C. Hệ tuần hoàn.

D. Hệ thần kinh.

Câu 21: Hệ vận động ở người hiện chức năng nào dưới đây?

A. Định hình cơ thể, bảo vệ nội quan, giúp cơ thể cử động và di chuyển.

B. Vận chuyển chất dinh dưỡng, oxygen, hormone,...

C. Loại các chất thải có hại cho cơ thể từ máu và thải ra môi trường.

D. Giúp cơ thể sinh sản, duy trì nòi giống.

Câu 22: Biện pháp nào dưới đây giúp phòng, chống các bệnh, tật liên quan đến hệ vận động?

A. Mang vác vật nặng thường xuyên.

B. Tư thế ngồi nghiêng về một bên trong thời gian dài.

C. Tập thể dục, thể thao thường xuyên phù hợp với lứa tuổi.

D. Thường xuyên đi giày cao gót.

Câu 23: Cho các bước sau: (1) Đặt hai nẹp vào hai phía của cẳng tay, nẹp dài từ khuỷu tay tới cổ tay, đồng thời lót, bông/ gạc y tế hoặc miếng vải sạch vào phía trong nẹp; (2) Đặt tay bị gãy vào sát thân nạn nhân; (3) Dùng khăn vải làm dây đeo vào cổ để đỡ cẳng tay treo trước ngực, cẳng tay vuông góc với cánh tay; (4) Dùng dây vải rộng bản/ băng y tế buộc cố định nẹp.

Thứ tự đúng các bước sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương cẳng tay là

A. (1) → (2) → (3) → (4).

B. (1) → (3) → (2) → (4).

C. (2) → (1) → (4) → (3).

D. (4) → (1) → (3) → (2).

Câu 24: Cơ quan nào dưới đây **không** thuộc ống tiêu hóa ở người?

- A. Dạ dày. B. Thực quản. C. Mật. D. Ruột già.

Câu 25: Dinh dưỡng là

- A. quá trình thu nhận, biến đổi và sử dụng chất dinh dưỡng để duy trì sự sống của cơ thể.
B. các chất có trong thức ăn mà cơ thể sử dụng làm nguyên liệu cấu tạo cơ thể.
C. năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống.
D. quá trình trao đổi khí oxygen với môi trường.

Câu 26: Xây dựng khẩu phần (lượng thực phẩm cho một người trong một ngày) cho bản thân và những người trong gia đình cần tuân theo một số nguyên tắc. Những nguyên tắc nào dưới đây là **không** phù hợp để có một chế độ dinh dưỡng hợp lý ?

- (1). Đủ về năng lượng, đủ và cân bằng về các nhóm chất dinh dưỡng.
(2). Ăn ít, đặc biệt là ăn sáng, không ăn rau xanh,... để có thân hình cân đối.
(3). Phù hợp với nhu cầu của cơ thể.
(4). Đa dạng các loại thực phẩm, phù hợp theo mùa, từng địa phương.
(5). Phù hợp với hoàn cảnh từng gia đình.
(6). Thường xuyên sử dụng đồ ăn vặt, đồ ăn nhanh,... trong chế độ dinh dưỡng và không ăn sáng, trưa, chỉ ăn tối.

- A. (1), (2). B. (2), (4). C. (2), (6). D. (1), (6).

Câu 27: Loại thực phẩm nào dưới đây chứa độc tố tự nhiên gây hại cho sức khỏe của con người?

- A. Lá ngón. B. Lá rau ngót. C. Lá rau cải. D. Lá tía tô.

Câu 28: Biện pháp nào dưới đây **không** được sử dụng để bảo quản thực phẩm ?

- A. Bảo quản lạnh. B. Lên men. C. Phơi khô. D. Ngâm nước ươm.

Câu 29: Thành phần nào dưới đây vận chuyển oxygen và carbon dioxide trong máu ?

- A. Hồng cầu. B. Tiểu cầu. C. Bạch cầu. D. Huyết tương.

Câu 30: Cho các bước sau:

- (1) Ấn nút khởi động đo, máy sẽ tự động bơm khí, xả khí và cho kết quả cuối cùng.
(2) Khi kết quả đo hoàn thành, đọc kết quả hiển thị trên màn hình của máy bao gồm trị số huyết áp tối đa, trị số huyết áp tối thiểu và nhịp tim.
(3) Để người được đo ngồi tư thế thoải mái, để tay lên bàn, quấn túi khí vừa đủ chặt quanh cánh tay, cố định lại.
Thứ tự đúng các bước đo huyết áp là

- A. (3) → (2) → (1). B. (2) → (3) → (1). C. (1) → (2) → (3). D. (3) → (1) → (2).

Câu 31: Bệnh nào dưới đây **không** phải là bệnh về máu và tim mạch ?

- A. Thiếu máu. B. Huyết áp cao. C. Xơ vữa động mạch. D. Viêm phổi.

Câu 32: Tiêm vaccine giúp phòng bệnh vì vaccine chứa kháng nguyên. Khi đưa vaccine vào cơ thể sẽ kích thích tế bào **X** sản sinh ra kháng thể để chống lại kháng nguyên (mầm bệnh). Tế bào **X** là

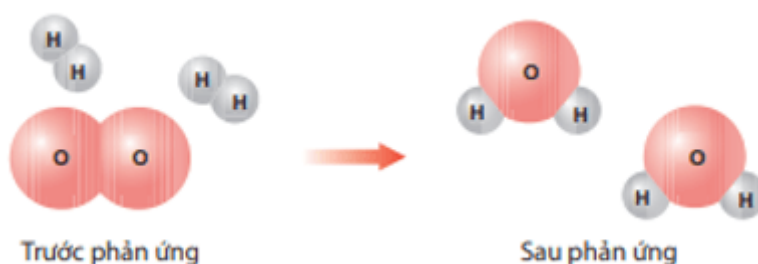
- A. tiểu cầu. B. cơ C. hồng cầu. D. bạch cầu.

II. Phần II, Câu trắc nghiệm Đúng, Sai (từ câu 33 đến 34) (2, 0 điểm)

Câu 33 (1,0 điểm) Bạn An có khối lượng 50 kg đang đứng trên sân trường bằng giày thể thao. Hãy chọn Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau đây:

- a. Áp suất mà bạn An tác dụng lên mặt đất sẽ giảm khi An co một chân lên.
b. Áp lực của An lên mặt đất là 500 N
c. Khối lượng của An và diện tích tiếp xúc của giày là hai yếu tố ảnh hưởng đến áp suất tác dụng lên mặt đất.
d. Khi An cúi xuống thì áp suất của An lên mặt đất giảm.

Câu 34 (1,0 điểm) Hình dưới đây là sơ đồ minh họa phản ứng giữa các phân tử hydrogen (H_2) và oxygen (O_2) tạo ra phân tử nước (H_2O). Hãy chọn **đúng hoặc sai** cho các phát biểu sau đây:



- Trước phản ứng nguyên tử O liên kết với nguyên tử O; nguyên tử H liên kết với nguyên tử H.
- Phân tử được sinh ra sau phản ứng là nước (H_2O).
- Số lượng các nguyên tử trước và sau phản ứng là thay đổi.
- Sau phản ứng nguyên tử O liên kết với nguyên tử H.

B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 35 (2,0 điểm)

- Viết công thức tính khối lượng riêng? Giải thích rõ tên và đơn vị của các đại lượng?
- Một cái bể bơi có chiều dài 20 m, chiều rộng 8 m, độ sâu của nước là 1,5 m. Tính khối lượng của nước trong bể. Biết khối lượng riêng của nước 1000 kg/m^3 .
- Cho các dụng cụ sau: Một bình chia độ có GHĐ 200 cm^3 chứa nước tới vạch 100 cm^3 , một quả khóa bằng sắt bỏ lọt bình chia độ có khối lượng 390g.
Biết khối lượng riêng của sắt là $7,8 \text{ g/cm}^3$. Hỏi khi thả quả khóa vào bình chia độ thì mực nước trong bình dâng lên vạch bao nhiêu?

Câu 36 (1,5 điểm)

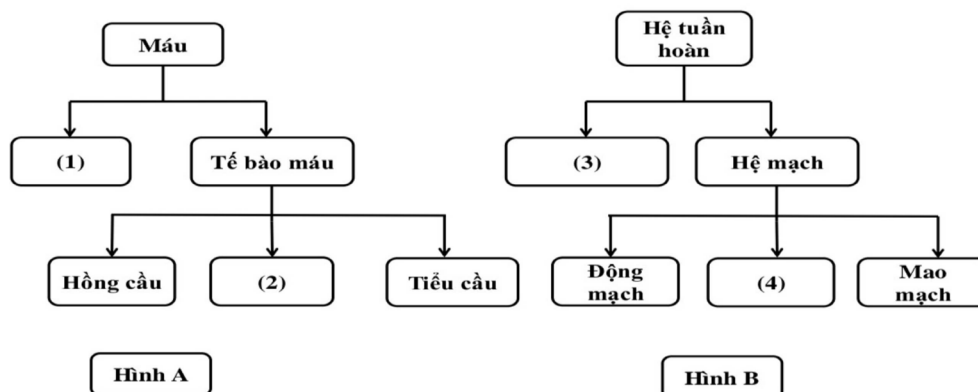
Khi đốt nến (làm bằng paraffin), nến chảy lỏng thấm vào bấc, nến lỏng hoá hơi rồi cháy trong không khí tạo thành khí carbon dioxide và hơi nước.



Hãy chỉ ra:

- Giai đoạn nào của quá trình đốt nến xảy ra biến đổi vật lí? Giải thích.
- Giai đoạn nào của quá trình đốt nến xảy ra là biến đổi hoá học? Giải thích.
- Dấu hiệu xảy ra phản ứng hóa học là gì?

Câu 37 (1,5 điểm) Hình (sơ đồ) dưới đây mô tả các thành phần cấu tạo của máu và hệ tuần hoàn:



- Cho các thông tin: Huyết tương, Bạch cầu, Tim, Tĩnh mạch. Viết các thông tin sau theo đúng các chú thích (1), (2), (3), (4) trong hình A, hình B.
- Cho biết chú thích (3) có chức năng gì trong sự phối hợp với các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn?
- Nếu cơ thể mất nước, uống thiếu nước thì máu có thể lưu thông dễ dàng trong mạch không? Em hãy đề ra các biện pháp bảo vệ máu và hệ tuần hoàn.

----- HẾT -----

(Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm)